

40 NĂM SAU VỤ THẨM SÁT MỸ LAI

LẶT LẠI HỒ SƠ MỘT TỘI ÁC CHIẾN TRANH CỦA QUÂN ĐỘI MỸ TẠI VIỆT NAM

PHẠM HỒNG TUNG*

Trong thời gian 40 năm qua “Mỹ Lai” đã trở thành một từ khóa (*keyword*) có mặt trong hầu như tất cả các công trình nghiên cứu về lịch sử cuộc chiến tranh mà người Mỹ gọi là “Cuộc chiến tranh Việt Nam” (*The Vietnam War*). Đây cũng là hai trong số rất ít từ tiếng Việt được cả thế giới biết đến nhiều nhất, bởi nó gắn liền với một trong những tội ác chiến tranh kinh hoàng nhất mà quân đội Mỹ đã gây ra trong thế kỷ 20. Tuy nhiên, cho đến nay hầu như tất cả những tài liệu đề cập đến vụ thảm sát này đều mới chỉ dừng lại ở mức độ mô tả và lên án quân đội Mỹ nói chung và những cá nhân đã trực tiếp gây ra vụ thảm sát nói trên mà thôi. Chỉ có rất ít công trình đi sâu phân tích và chỉ ra những căn nguyên của vụ Mỹ Lai. Đồng thời, cũng có rất ít nghiên cứu đề cập tới việc nước Mỹ và chính phủ Mỹ đã “tiêu hoá” vụ Mỹ Lai ra sao. Việc thiếu vắng những nghiên cứu như vậy chính là nguyên nhân của việc những tội ác chiến tranh khủng khiếp như Mỹ Lai không những không được ngăn chặn mà còn tiếp tục tái diễn trong hầu như tất cả các cuộc chiến có quân đội Mỹ tham gia, như các cuộc chiến tranh gần đây ở Kosovo, Afghanistan và Iraq.

Dựa trên những nguồn tài liệu được công bố gần đây và trên cơ sở tham khảo các công trình nghiên cứu của giới học giả phương Tây, bài nghiên cứu này cố gắng tập trung làm sáng tỏ các vấn đề trên.

1. Mỹ Lai - Hồ sơ một tội ác chiến tranh của quân đội Mỹ

Sáng ngày 16 tháng 3 năm 1968, một trung đội gồm khoảng 20 binh sĩ thuộc Đại đội Charlie, Lữ đoàn bộ binh số 11 do viên thiếu úy 24 tuổi William Calley chỉ huy nhận được lệnh đánh chiếm thôn Mỹ Lai, một thôn nhỏ thuộc làng Sơn Mỹ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi (1).

Khu vực Sơn Mỹ, huyện Sơn Tịnh nói riêng và toàn bộ địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nói chung vào thời gian đó là địa bàn luôn diễn ra nhiều trận giao tranh ác liệt giữa hai bên. Suốt trong thời gian nửa sau năm 1967 quân Mỹ và chư hầu đã dùng hỏa lực mạnh chà đi, xát lại vùng này, khiến cho phần lớn nhân dân trong tỉnh (theo ước tính của phía Mỹ là chừng 140.000 thường dân) bị lâm vào cảnh màn trời chiếu đất, luôn sống trong cảnh bom rơi đạn lạc đầy nguy hiểm. Sau cuộc tổng tấn công và nổi dậy của quân và dân ta trong dịp Tết Mậu

* PGS. TS. Đại học Quốc gia Hà Nội

Thân (1968), quân Mỹ và nguy càng diên cuồng đánh phá các vùng phụ cận khu vực đô thị và đồng bằng, hòng đẩy lùi quân giải phóng, tăng cường giành đất, kiểm soát nhân dân. Khu vực Mỹ Lai, Sơn Tịnh bị quân Mỹ xác định là vùng “hỏa lực tự do” (*Free Fire Zone*), tức là nơi chúng cho là có quân “Việt Cộng” hoạt động, buộc dân chúng phải di tản và quân Mỹ - nguy được tự do bắn phá, triệt hạ làng mạc bằng hỏa lực tối đa.

Cuộc càn quét của trung đội do Calley chỉ huy vào Mỹ Lai diễn ra trong một bối cảnh khá đặc biệt. Hai ngày trước đó Đại đội Charlie, trong đó có trung đội này, trong lúc càn quét đã bị vướng mìn của quân giải phóng và một trung sĩ tử vong, một số lính Mỹ khác bị thương. Tối hôm sau, trong lễ truy điệu viên trung sĩ tử nạn, Đại úy Ernest Medina, đại đội trưởng, đã trút mọi trách nhiệm lên đầu “Việt cộng” và kêu gọi binh lính Mỹ trả thù cho viên trung sĩ này. Cùng lúc đó, có tin Đại đội số 48 của “Cộng quân” đang có mặt tại thôn Mỹ Lai. Lập tức, viên chỉ huy Lữ đoàn 11 ra lệnh tấn công Mỹ Lai. Trung đội của Calley sẽ phối hợp với một trung đội khác do Trung úy Stephen Brook chỉ huy cùng tấn công thôn Mỹ Lai. Sau đó hai trung đội này sẽ được tăng viện bởi lực lượng do Đại đội trưởng Medina chỉ huy. Như vậy, theo kế hoạch tác chiến, quân Mỹ sẽ sử dụng tới 3 trung đội (tổng cộng là 74 sĩ quan và binh lính) tấn công quân Giải phóng ở Mỹ Lai. Binh lính Mỹ được viên Đại úy Medina, Đại đội trưởng Đại đội Charlie huấn lệnh rõ ràng rằng: tất cả thường dân trong thôn, phụ nữ, và trẻ em, đã được sơ tán tới một nơi xa khu tác chiến; mọi người mà họ gặp ở thôn Mỹ Lai đều có thể là kẻ thù; lính Mỹ phải phá sập tất cả các ngôi nhà bằng gạch, đốt sạch các nhà tranh, bắn giết tất cả các

vật nuôi; thả thuốc độc xuống giếng và tiêu diệt kẻ thù (2).

7 giờ 22 phút sáng ngày 16 tháng 3 năm 1968 trực thăng Mỹ đưa quân Mỹ đổ bộ xuống một bãi trống, cách thôn Mỹ Lai chừng 150m. Trung đội của Calley nhanh chóng triển khai đội hình tấn công. Khoảng 8 giờ 5 phút, quân Mỹ áp sát và tiến vào trong thôn, không hề có dấu hiệu của “Cộng quân”. Toàn trung đội không gặp bất kỳ một hành động ngăn trở nào của đối phương. Quân Mỹ chỉ nhìn thấy những túp lều tranh, những ngôi nhà lá và khoảng hơn 500 thường dân, bao gồm cả người già, phụ nữ, trẻ em. Không có ai có biểu hiện chống trả quân Mỹ. Một số người đang nấu cơm, một số người tỏ ra sợ sệt, nhưng không chạy trốn.

Theo đúng “quy trình” của một cuộc hành quân “tìm - diệt”, lính Mỹ lôi thốc những người dân ra khỏi nhà, tập trung họ lại và bắt đầu tra hỏi về nơi ẩn nấp của “Cộng quân”. Không ai có thể đưa ra câu trả lời mà chúng mong đợi. Và thế là cuộc tàn sát bắt đầu. Trước tiên là một người đàn ông bị đâm chết bằng lưỡi lê từ phía sau. Sau đó một ông già bị ném xuống giếng kèm theo một quả lựu đạn cho nổ tung xác. Một nhóm gồm khoảng 15 phụ nữ, chủ yếu là người già, bị lôi đến trước một ngôi miếu. Họ bị bắt quỳ xuống cầu nguyện, rồi sau đó đều bị hành quyết bằng cách bắn vào đầu, từ phía sau gáy. Một nhóm khác khoảng hơn 80 người bị lôi ra cánh đồng. Trong khi họ cố kêu lên “No VC! No VC! (Không phải Việt Cộng!), Trung úy Calley nói với một lính Mỹ trong trung đội: “Mày biết phải làm gì với họ rồi chứ!”, rồi bỏ đi chỗ khác. Khi quay lại, Calley vẫn thấy nhóm người này chưa bị giết, viên trung úy hét vào mặt lính: “Chúng mày muốn làm gì với họ! Tao muốn chúng phải

chết!" Thế là đơn vị của Calley như phát điên, liên tiếp nã đạn vào những người dân tay không. Một số lính Mỹ tranh giành nhau phụ nữ và con gái, hãm hiếp họ và sau đó bắn chết. Những người chạy trốn và cả những người không chạy trốn đều bị hành quyết, bằng súng, lưỡi lê và dao găm. Một số trẻ em bị chúng đưa ra làm bia bắn tập. Cuối cùng còn lại khoảng 70 hay 80 người dân, chủ yếu là các bà già và trẻ em, bị trung đội của Calley dồn đến bờ một con mương ở phía Đông thôn Mỹ Lai. Calley ra lệnh cho lính giết tất cả, đồng thời đích thân y cũng tham gia vào cuộc tắm máu. Xác nạn nhân bị quẳng xuống con mương cạn. Một số người còn chưa chết hẳn bị Calley bắn bồi thêm. Chỉ trong vòng gần ba giờ đồng hồ lính Mỹ đã giết chết 503 thường dân, trong đó có 182 phụ nữ, 172 trẻ em, 89 người là đàn ông dưới 60 tuổi và 60 người trên 60 tuổi (3).

Không phải tất cả lính Mỹ trong trung đội của Calley đều bị cuốn theo cơn say máu bắn giết và hãm hiếp. Một lính Mỹ đã cố tình tự bắn vào chân để không bị buộc phải tham gia. Một số khác không tham gia hoặc chỉ bắn lên trời (4).

Giữa lúc đó, vào khoảng 9 giờ, Hugh Thompson, một phi công Mỹ tình cờ lái trực thăng qua thôn Mỹ Lai và quan sát, thấy lính Mỹ đang đuổi theo bắn giết một nhóm thường dân đang cố chạy trốn. Anh ta liền đáp trực thăng xuống, chắn ngay giữa hai toán người và lớn tiếng yêu cầu nhóm lính Mỹ chấm dứt cuộc truy sát, nếu không anh ta buộc phải khai hỏa trực thăng để cứu nhóm thường dân. 11 người dân Mỹ Lai nhờ đó được thoát chết. Nhưng chỉ đến lúc 11 giờ, khi Medina gọi đơn vị về ăn trưa, cuộc thảm sát mới chấm dứt.

Sau cuộc hành quân tàn quét này đơn vị của Calley đã báo cáo lên cấp chỉ huy của

họ, rằng trung đội Mỹ đã tiêu diệt 128 "Việt cộng", thu được ba vũ khí. 20 thường dân đã chẳng may bị tử nạn trong quá trình tác chiến. Về phía Mỹ, một lính đã bị thương trong quá trình "chiến đấu". Khi nhận được báo cáo về "chiến công" này của đơn vị Calley, Đại tướng William Westmoreland, tổng tư lệnh quân đội Mỹ, đã tỏ ra hết sức hoan hỉ, liền gửi lời khen ngợi sĩ quan và binh lính của toàn Đại đội Charlie (5).

2. Quá trình phanh phui và xét xử vụ Mỹ Lai ở Mỹ

Tương tự như nhiều tội ác khác của quân đội Mỹ trong "Cuộc chiến tranh Việt Nam", vụ thảm sát Mỹ Lai có thể đã bị che giấu và lạng lẽ trôi vào dĩ vãng, hoặc chỉ được ghi nhận trong hồ sơ tác chiến của quân đội Mỹ như một "chiến công" của lính Mỹ. Nhưng hoàn toàn vì những lý do tình cờ mà vụ thảm sát này đã bị phanh phui và gây ra một cú *shock* kinh hoàng trong công luận Mỹ và lương tri nhân loại.

Nhân chứng quan trọng nhất của vụ thảm sát này là Ronald Haeberle, một phóng viên nhiếp ảnh của tờ tạp chí quân sự *Stars and Tripes* (Sao và Vạch) được phép tháp tùng các cuộc hành quân của trung đội do Calley chỉ huy. Nhiệm vụ của Haeberle là chụp ảnh, ghi lại những chứng cứ về việc đối phương bị tiêu diệt, nhằm cung cấp bằng chứng cho việc "đếm xác" (*body count*) của công tác thống kê quân sự phục vụ việc đánh giá chiến trận của quân đội Mỹ. Phóng viên này đã ghi lại hình ảnh vụ thảm sát và giữ riêng cho ông ta 18 tấm ảnh quan trọng nhất.

Ngay sau vụ thảm sát dường như đã có một binh sĩ trong trung đội của Calley cảm thấy có điều gì đó rất không ổn và muốn báo cáo lên cấp trên, nhưng Đại đội trưởng

Medina chỉ huy Đại đội Charlie và một số sĩ quan chỉ huy khác đã kịp thời phát hiện và ngăn chặn (6).

Sau đó một thời gian, một viên cựu binh Mỹ tên là Ronald Ridenhour, người không tham gia vào vụ thảm sát nhưng đã có được thông tin về vụ việc (7). Sau khi tự mình tiến hành một cuộc điều tra về vụ thảm sát thường dân này, tháng 3 năm 1969 ông đã gửi một bản điều trần cho đích thân Tổng thống Mỹ Richard Nixon, Bộ Ngoại giao Mỹ, và nhiều nghị sĩ cũng như Bộ Tổng tham mưu của quân đội Mỹ. Phần lớn những nơi nhận được bản điều trần của Ridenhour đều làm ngơ vụ việc. Chỉ có Nghị sĩ Morris Udall là phản ứng gay gắt, đòi phải làm sáng tỏ vụ việc mà bản điều trần đã nêu. Tháng 4 năm 1969 tướng Westmoreland ra lệnh thành lập một Ủy ban điều tra của quân đội Mỹ và tiến hành điều tra về việc xuyên tạc và che giấu vụ Mỹ Lai. Tháng 6 năm 1969 Calley bị triệu tập để đối chứng với viên phi công Hugh Thompson. Hai tháng sau vụ việc được chuyển cho Phái bộ điều tra tội ác của quân đội Mỹ. Lúc này Tổng thống Nixon cũng đã nắm bắt được thông tin về vụ thảm sát, nhưng đã cố tình giấu nhẹm sự việc và lẩn tránh trách nhiệm, chỉ gọi đó là "một vụ việc cá biệt" (*an isolated incident*) (8).

Sự thật ghê rợn của vụ thảm sát Mỹ Lai chỉ hoàn toàn được phơi bày ra trước công luận khi nhà báo Seymour Hersh tình cờ nghe thấy chuyện Trung đội trưởng W. Calley đang bị cáo buộc và đã tiến hành phỏng vấn sâu ông này về toàn bộ sự kiện (9). Trên cơ sở đó, cùng với các tấm ảnh do Ronald Haeberle cung cấp, Seymour Hersh đã công bố một bài phóng sự về vụ thảm sát Mỹ Lai của quân đội Mỹ trên tờ tạp chí *Life*, số ra ngày 5 tháng 12 năm 1969. Sau đó các tờ báo lớn ở Mỹ, như *Newsweek* và

Time cũng đăng bài tường thuật về vụ Mỹ Lai. Đài truyền hình CBS cũng phát sóng một buổi phỏng vấn trực tiếp Paul Meadlo, một trong những kẻ đã trực tiếp tham gia vụ thảm sát Mỹ Lai. Cơ địa chấn truyền thông này đã làm rung động cả nước Mỹ và toàn thế giới. Phong trào hòa bình, đòi chấm dứt cuộc chiến tranh Việt Nam càng bùng phát mạnh mẽ hơn ở Mỹ và nhiều nước khác.

Đến lúc đó thì chính giới Mỹ không thể lẩn tránh vụ Mỹ Lai. Tuy nhiên, Chính phủ Mỹ đã quyết định khép kín việc điều tra này sau cánh cửa Lầu Năm góc. Một Phái bộ điều tra mới được thành lập, do Thượng tướng William Peers làm chủ tịch, đặc trách điều tra, làm rõ vụ việc. Trong vòng 4 tháng Phái bộ của Peers đã thẩm vấn 398 nhân chứng, tập hợp thông tin kín hơn 20.000 trang giấy, lên án và đề nghị truy tố hàng chục sĩ quan và binh lính, kể cả chỉ huy cấp tướng cho tới binh nhì, những người đã trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào tội ác ở Mỹ Lai và cả những kẻ đã cố tình che giấu vụ việc (10).

Tuy những bằng chứng đưa ra công luận là hoàn toàn hiển nhiên và tài liệu thu thập được qua hai lần điều tra hết sức chi tiết, song theo luật pháp nước Mỹ thì không dễ gì đưa được các sĩ quan và binh lính - những thủ phạm của vụ thảm sát Mỹ Lai ra xét xử. Một trong những khó khăn lớn nhất là hầu hết các binh sĩ của Trung đội Calley đều đã rời khỏi quân đội, do đó không thể đưa họ ra trước tòa án binh. Sau cùng chỉ có 4 sĩ quan và binh lính bị đưa ra tòa án binh xét xử vào cuối năm 1970, đầu năm 1971. Người đầu tiên là Trung tướng Samuel Koster, chỉ huy trưởng Sư đoàn trong đó có đơn vị của Calley. Viên tướng này bị buộc tội che giấu, báo cáo sai về vụ việc, do đó bị đình nhiệm và bị hạ một cấp.

Người thứ hai là Đại tá Oran Henderson, Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn bộ binh số 11. Tuy nhiên, viên sỹ quan này được kết luận là không phạm tội (11).

Người thứ ba là viên Đại úy Ernest Medina. Đây là trường hợp phức tạp nhất. Bản cáo trạng của Phái bộ điều tra Peers cáo buộc Medina về tội sát hại 102 thường dân Việt Nam. Trước tòa, Đại úy này, kể đã trực tiếp ra lệnh và chỉ huy cuộc hành quân "tìm - diệt" vào Mỹ Lai đã phủi sạch mọi trách nhiệm, kể cả việc trực tiếp ra lệnh cho đơn vị Calley tàn sát và triệt hạ thôn Mỹ Lai. Để có căn cứ xét xử, tòa đã yêu cầu dùng máy kiểm tra nói dối để thẩm định lời khai của Medina. Tuy nhiên, sau khi đối chứng và sau cuộc tranh tụng kéo dài 57 phút, Medina đã được tòa tuyên bố vô tội.

Phiên xét xử William Calley vào tháng 12 năm 1970 là phiên xét xử bị cáo quan trọng nhất. Công tố viên Aubrey Daniel đã thu thập tài liệu và chuẩn bị rất kỹ hồ sơ buộc tội Calley. Trước tòa, ông đã nghiêm khắc lên án những hành vi tội ác man rợ của viên trung úy này. Tuy nhiên, phiên tòa sau đó đã rơi vào bế tắc do không một ai chịu đứng ra làm chứng cho những hành vi phạm tội của Calley. Những gì mà phóng viên nhiếp ảnh Ronald Haeberle và viên phi công Hugh Thompson khai trước tòa lại chưa đủ căn cứ để kết tội y theo luật định. Cuối cùng, Phái bộ điều tra đã thuyết phục được ba binh sỹ trong trung đội Calley đứng ra làm chứng. Trong số đó, lời khai của Paul Meadlo, kẻ đã trực tiếp nhận lệnh từ Calley và hành quyết dân thường ở Mỹ Lai, chính là căn cứ chắc chắn nhất để buộc tội Calley.

Ngày 23 tháng 2 năm 1971 Calley bị gọi ra luận tội trước tòa. Lần này y biết không còn cơ hội để chối tội nữa, song Calley luôn khẳng định "Tôi cảm thấy - và tôi luôn luôn

hành động theo mệnh lệnh. Tôi chỉ thi hành bốn phần của mình và không cảm thấy có lỗi gì trong chuyện này". Cuối cùng Calley lại đổ tội cho cấp trên của mình là Đại đội trưởng Medina (12).

Sau 13 ngày tranh tụng - kỷ lục tranh tụng lâu nhất trong lịch sử tòa án binh Mỹ, William Calley bị kết án chung thân khổ sai. Tuy nhiên, sau khi chỉ thi hành bản án này vừa được một tuần, Calley đã được Tổng thống R. Nixon can thiệp, ân giảm xuống còn 3 năm quản thúc tại gia. Năm 1974, sau khi hết thời hạn quản thúc, Calley theo học nghề kinh doanh vàng bạc và hai năm sau y cưới vợ, sống một cuộc sống bình thường tại tiểu bang Georgia. Sau này, khi được hỏi về vụ thảm sát Mỹ Lai, y thản nhiên đáp: "cũng chẳng có gì nghiêm trọng cả!" (*"It is no big deal!"*) (13).

3. Vụ thảm sát Mỹ Lai: nguyên nhân và con đường dẫn đến tội ác

Mùa Thu năm 1945, cùng với Hồng quân Liên Xô, quân đội Mỹ bước ra khỏi Thế chiến II với vòng hào quang chói lọi của những đội quân đã góp phần quyết định vào việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, cứu nhân loại khỏi họa diệt chủng. Thế nhưng trong suốt sáu thập kỷ tiếp theo quân đội Mỹ đã đóng vai trò "sen đầm quốc tế", và ở bất cứ nơi nào, khi quân Mỹ can thiệp và tiến hành các hoạt động chiến tranh, thì ở đó lính Mỹ đều gây ra những tội ác chiến tranh kinh hoàng, man rợ. Vụ thảm sát Mỹ Lai gây chấn động lương tri nhân loại không chỉ vì số lượng nạn nhân quá lớn hoặc bởi vì cách thức tội ác được gây ra quá man rợ, mà vì nó xảy ra vào thời điểm nhạy cảm nhất, khi phong trào hòa bình, phản chiến đang dâng lên cuộn cuộn ở Mỹ và nhiều nước phương Tây khác. Tuy nhiên, Mỹ Lai không phải là tội ác duy nhất mà quân Mỹ gây ra ở Việt Nam và ở

nơi khác như Tổng thống Mỹ R. Nixon quan niệm. Bên cạnh đó còn có các vụ thảm sát thường dân của quân Mỹ ở Thạnh Phong ngày 13 tháng 2 năm 1969 (đến tận năm 2001 mới bị phanh phui) và trước đó là vụ thảm sát ở Huế (1968), rồi sau đó là vụ thảm sát ở Quảng Trị (1972) và nhiều vụ khác (14). Trong các cuộc chiến tranh gần đây ở Kosovo, Afghanistan và ở Iraq quân đội Mỹ vẫn tiếp tục gây ra những vụ thảm sát thường dân đẫm máu khác và các vụ ngược đãi tù binh chiến tranh ở nhà tù Gouantanamo và Abu-Graif. Rõ ràng đây là một hiện tượng không bình thường, hơn nữa lại có tính lặp đi lặp lại ở một quân đội nhà nghề thuộc hàng hiện đại nhất thế giới của một trong những dân tộc tự cho là văn minh nhất thế giới. Vậy những tội ác đó đã được bắt nguồn từ đâu và những yếu tố cấu thành nguyên nhân tội ác đó đã vận hành như thế nào để gây ra những kết cục kinh hoàng đến như vậy?

Cội nguồn sâu xa nhất của những tội ác chiến tranh mà quân đội Mỹ gây ra ở Việt Nam, trong đó vụ Mỹ Lai là một vụ điển hình nhất, chính là *tính chất phi nghĩa của cuộc chiến* mà nước Mỹ tiến hành. Đây là điều mà không chỉ chính giới mà ngay cả phần lớn các học giả Mỹ cũng không muốn nhìn nhận, bởi lẽ như vậy có nghĩa là họ buộc phải thừa nhận tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam. Và vì vậy mà họ không thể hiểu tại sao “Việt cộng” lại có thể tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân chống Mỹ - ngụy hiệu quả đến như vậy; tại sao trong suốt cuộc chiến họ hoàn toàn bất lực trong việc buộc đối phương phải chấp nhận một cuộc chiến tranh quy ước (*conventional war*); và tại sao họ không thể đối phó nổi với cuộc chiến tranh nhân dân của “Việt cộng”.

Một nguyên tắc có tính quy luật là: người ta chỉ có thể tiến hành chiến tranh nhân dân có hiệu quả khi họ nắm giữ chính nghĩa, tiêu biểu cho những điều mà quảng đại nhân dân tin là lẽ phải, là phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta do Đảng lãnh đạo là cuộc chiến đấu bảo vệ quyền sống trong độc lập, tự do, vì chủ quyền của Tổ quốc. Chính vì lẽ đó mà mọi người dân đều ủng hộ và coi đó là cuộc chiến đấu của chính họ. Trong khi đó, nước Mỹ - bị nô dịch bởi hệ luận chiến tranh lạnh mà cụ thể là học thuyết Domino từ thời Tổng thống Eisenhower, đã ủng hộ những chính phủ ngụy quyền Sài Gòn không được lòng dân. Khi ngụy quyền và ngụy quân tỏ ra bất lực trong “nỗ lực chống cộng” thì Mỹ buộc phải ồ ạt đổ quân vào chiến trường miền Nam, và do đó hiện rõ nguyên hình là một hành vi chiến tranh xâm lược. Đây là lý do căn bản khiến cho bộ máy tuyên truyền chiến tranh của Mỹ - ngụy không thể nào thuyết phục nổi tính chất “chính nghĩa” của hành vi chiến tranh mà họ tiến hành ở Việt Nam.

Do tiến hành một cuộc chiến tranh phi nghĩa nên dù đã áp dụng nhiều chiến lược thâm độc, như xây dựng “ấp tân sinh”, dồn dân lập “ấp chiến lược”, Mỹ - ngụy vẫn hoàn toàn thất bại trong mọi nỗ lực giành dân, kiểm soát dân chúng. Hơn thế nữa, khi cuộc chiến tranh nhân dân của “Việt cộng” phát triển rộng khắp từ sau Phong trào đồng khởi thì Mỹ - ngụy nhận thấy kẻ thù của họ có mặt ở khắp mọi nơi - hễ ở đâu có người Việt Nam thì ở đó có người chống Mỹ và đánh Mỹ. Bị sa lầy vào thiên la địa võng như vậy, Mỹ - ngụy càng điên cuồng khủng bố, bắn giết tất cả những ai mà chúng nghi là “Việt cộng”. Đây chính là nội dung điều mà Đại đội trưởng Đại đội

Charlie đã huấn lệnh cho binh sĩ thuộc Trung đội Calley trước khi chúng tấn công vào thôn Mỹ Lai. Và hậu quả là cuộc tàn sát thường dân đẫm máu đã xảy ra. Càng tăng cường khủng bố, tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh do Mỹ - ngụy tiến hành càng lộ rõ, và do đó quân Mỹ càng bị cô lập, bị lên án ở khắp nơi, ngay cả trong lòng nước Mỹ. Đó là vòng xoáy mà Chính phủ và quân đội Mỹ không thể thoát ra được và chính là nguyên nhân sâu xa của các cuộc thảm sát như vụ Mỹ Lai - và đó cũng là con đường sẽ dẫn đến thất bại chung cuộc của cuộc chiến mà Mỹ theo đuổi ở Việt Nam.

Nguyên nhân thứ hai dẫn đến những tội ác chiến tranh của quân đội Mỹ như vụ thảm sát Mỹ Lai chính là thứ *triết lý chiến tranh* của người Mỹ trong cuộc chiến ở Việt Nam. Trong một cuộc chiến tranh quy ước thì mục tiêu của hoạt động tác chiến là đánh chiếm những cứ điểm, những thành phố hoặc những địa bàn chiến lược, chiến thuật xác định. Khi chiếm được những vị trí này thì coi như đã giành được chiến thắng, tức là đã hiện thực hóa được mục tiêu tác chiến. Tuy nhiên, trong “cuộc chiến tranh Việt Nam”, do không thể tiến hành được cuộc chiến tranh theo kiểu quy ước nên việc quân Mỹ chiếm được một vị trí, một thành phố hay một địa bàn nào đó trở nên không có ý nghĩa quyết định, bởi ngay sau đó họ phải đối phó với những kẻ thù vô hình, có mặt ở khắp nơi (15). Vì vậy, khi đổ quân ào ạt vào Việt Nam, quân đội Mỹ đã phải tiến hành những cuộc hành quân mà họ gọi là “tìm và diệt” (*search and destroy*), chà đi xát lại các địa bàn mà họ cho là có “Cộng quân”. Thế là họ bị buộc phải chuyển từ triết lý của chiến tranh quy ước (*conventional war*) sang triết lý của chiến tranh tiêu hao (*war of attrition*). Điều đó có

nghĩa là giờ đây, mục tiêu tác chiến của quân Mỹ không phải là nhằm đánh bại quân đội đối phương để chiếm được vị trí quân sự nào đó mà là nhằm tiêu diệt lực lượng của đối phương, càng nhiều càng tốt. Chính vì vậy mà quân đội Mỹ đã “sáng tạo” ra một loại thước đo chiến thắng quân sự đặc biệt, đẫm máu là “*body count*” (đếm xác chết) (16).

Các chiến lược gia quân sự Mỹ dường như cũng ý thức được ngay từ đầu nguy cơ của việc áp dụng triết lý chiến tranh tiêu hao với thước đo thắng lợi thông qua “đếm xác” đối phương sẽ mở đường cho việc quân Mỹ tàn sát dân thường. Vì vậy, họ đã soạn ra bộ “kỷ luật tác chiến” (*rules of engagement*) khá chi tiết để ngăn ngừa những hiện tượng như vậy (17). Trong bộ “kỷ luật tác chiến” này quân đội Mỹ đã quy định khá cụ thể về những điều kiện trong đó các đơn vị lính Mỹ được phép tấn công vào các mục tiêu dân sự; quy định rõ quy trình ra lệnh tấn công các mục tiêu này để đảm bảo không có sai sót, nhầm lẫn thường dân với quân đối phương; quy định về “khu vực hòa lực tự do”... Tuy nhiên, theo nghiên cứu của sử gia người Đức Bernd Greiner thì bộ “kỷ luật tác chiến” này chỉ tồn tại trên giấy. Ngay từ tháng 8 năm 1966, Đại tướng W. Westmoreland đã nhận thấy điều này và đã phải viết nhiều huấn lệnh yêu cầu các viên tư lệnh nghiêm túc chấp hành bộ “kỷ luật” này (18). Mặc dù vậy, cho tới khi quân Mỹ bị buộc phải rút khỏi Việt Nam, bộ “kỷ luật” này vẫn bị phần lớn các đơn vị lính mặc nhiên vi phạm. Sau đây là một đoạn báo cáo của một hạ sĩ quan Mỹ được lưu tại Ủy ban điều tra tội ác chiến tranh ở Việt Nam của quân đội Mỹ: “*Từ vị trí phục kích chúng tôi cứ việc giết bừa phứa, và phần lớn nạn nhân đều không phải là Việt Cộng. Chúng*

tôi dùng mìn Claymores chống lại bất kỳ người nào hay chiếc xuống nào đi qua... chẳng có gì khó khăn cả: sau khi chúng tôi đã giết họ thì họ chính là Việt Cộng. Nhiều khi sự việc xảy ra vào sáng sớm, khi người Việt Nam đi ra đồng hay đi chợ. Tôi có hỏi lại viên chỉ huy trung đội, nhưng anh ta bảo rằng chúng tôi cứ việc bắn hạ họ, bởi vì họ đã hoạt động trong giờ giờ nghiêm. Nhưng viên chỉ huy này đã không biết trả lời ra sao khi tôi hỏi, vậy những người dân Việt Nam đó có biết lúc đó đang là giờ giờ nghiêm không?" (19).

Nghiêm trọng và trực tiếp hơn là tình trạng phần lớn các sĩ quan chỉ huy của Mỹ trên chiến trường đã không những cố tình phớt lờ bộ "kỷ luật tác chiến" mà còn khuyến khích binh lính Mỹ tham gia vào các hành vi giết chóc đẫm máu. Mục đích không gì khác hơn là: đếm được nhiều xác chết hơn để báo cáo lên cấp trên. Đây chính là nguyên nhân trực tiếp của vụ thảm sát Mỹ Lai, vụ thảm sát Thạnh Phong và nhiều tội ác chiến tranh khác mà quân đội Mỹ gây ra ở Việt Nam. Theo chính tài liệu mà Nhóm điều tra tội ác chiến tranh Việt Nam của Lầu Năm Góc thì nhiều sĩ quan, thậm chí cả sĩ quan cấp tướng, chỉ huy sư đoàn của quân Mỹ cũng liên tục khuyến khích lính Mỹ giết hại thường dân Việt Nam. Điển hình là lời huấn lệnh của tướng Julian Ewell, chỉ huy tiểu đoàn bộ binh số 11 về cách thức "đếm xác" "quân địch": "Nếu người đó có mang và anh đã giết chết cô ta, sẽ được tính gấp đôi" (20). Và thế là sau đó trong nhiều đơn vị lính Mỹ đã xuất hiện phong trào cá cược, thì nhau tìm phụ nữ có mang để hành quyết và ghi thêm được "điểm thưởng" (21). Thật là một thứ chiến tranh man rợ, một nỗi nhục cho nền văn minh nhân loại trong thế kỷ 20!

Thứ tư, cần phải chỉ ra rằng việc cố tình che giấu tội ác cũng là một nguyên nhân khiến cho những tội ác mới không những không được ngăn chặn mà còn tiếp tục diễn ra nghiêm trọng hơn. Từ các cấp chỉ huy quân đội thấp nhất cho đến Tổng thống Mỹ đều đã cố tình che giấu các tội ác chiến tranh mà quân Mỹ phạm phải, ngay cả khi đó là những tội ác nghiêm trọng nhất. Như đã chỉ ra trên kia, Tổng thống Nixon đã được báo cáo đầy đủ, cả thông qua những kênh không chính thức và những kênh chính thức, nhưng đã xem thường tính chất nghiêm trọng của vụ Mỹ Lai, hơn nữa ông ta còn cố tình che giấu, thậm chí can thiệp để giảm tội cho thủ phạm chính của vụ này là Trung úy Calley.

Việc che giấu (cover up) tội ác chiến tranh đã trở thành một chủ trương của quân đội Mỹ, mà bằng chứng rõ nhất là việc Bộ tổng tham mưu quân đội Mỹ đã đặt ra "công thức đếm xác chết" (killing ratio) áp dụng cho cuộc chiến tranh tiêu hao (war of attrition). Thực tế là trong phần lớn các vụ hành quân "tìm - diệt", số lượng xác chết của địch quân đếm được so với số vũ khí của đối phương bị tịch thu đều có sự chênh lệch rất lớn. Như trong vụ Mỹ Lai, quân Mỹ đã báo cáo lên cấp trên rằng họ tiêu diệt được 128 Việt cộng, nhưng chỉ thu được có vền vện 3 thứ vũ khí. Bất cứ người bình thường nào cũng nhận ra tỉ lệ vô lý này và có thể phát hiện ra dễ dàng rằng phần lớn người bị quân Mỹ giết là thường dân tay không. Để che đậy những hành vi sát hại dân thường này, Bộ tổng tham mưu quân đội Mỹ đã đặt ra tỉ lệ "chuẩn" "giữa vũ khí thu được" (weapons captured) và "quân địch bị tiêu diệt" (enemies killed) là từ 1:3 đến 1:5. Trên thực tế, nếu tỉ lệ chuẩn này có bị vượt qua thì cũng không sao, với lý do là trong chiến đấu quân du kích Việt

Cộng đã tấu tán vũ khí, như vút xuống sông, ở những phút cuối cùng! (22). Sau này, chính những tài liệu mà Phái bộ điều tra tội ác chiến tranh của quân đội Mỹ thu thập được đã bóc trần việc che giấu tội ác theo kiểu trên đây của quân Mỹ. Một báo cáo của Lữ đoàn bộ binh số 9 cho biết, trong khi tác chiến ở đồng bằng sông Cửu Long vào những năm 1965-1969 đơn vị này đã sát hại trung bình mỗi tháng khoảng 2.000 thường dân Việt Nam (23).

Cuối cùng, cần phải chỉ ra nguyên nhân nào đã biến những chàng trai Mỹ - sản phẩm của một đất nước có nền kinh tế - kỹ thuật hiện đại nhất với một xã hội luôn tự cho là văn minh, pháp quyền và tôn trọng quyền con người nhất thế giới, trở thành những hung thần khát máu sau khi khoác lên người họ những bộ quân phục Mỹ và bị đưa sang chiến đấu ở Việt Nam?

Theo nghiên cứu của Peter Buerger thì phần lớn lính Mỹ khi được đưa sang chiến đấu ở Việt Nam đều rất trẻ: độ tuổi trung bình là 19. Trên 65% lính Mỹ xuất thân từ các tầng lớp dưới và là người da màu, với trình độ học vấn dưới mức trung bình. Hơn thế nữa, trước khi được đưa sang Việt Nam chiến đấu, họ không được cung cấp đầy đủ những thông tin xác thực về nơi họ phải đến, về tình hình chiến sự, về văn hóa, con người Việt Nam... Tất cả những điều mà họ biết là họ phải đi chiến đấu, tiêu diệt cộng sản, cứu giúp người dân Việt Nam khỏi "họa cộng sản". Nhưng khi họ tới nơi thì tất cả đều khác. Không có ai chào đón họ như những "chiến binh giải

phóng" mà đều nhìn họ như những kẻ xâm lược ngoại bang. Họ không thấy kẻ thù ở đâu, nhưng kẻ thù lại ở khắp mọi nơi. Thiếu phiên dịch, họ hầu như không thể giao tiếp với dân chúng bản địa và do đó hoàn toàn bị cô lập ở trên đất nước xa lạ. Cuộc chiến đấu của họ ngày càng trở nên vô nghĩa, mất định hướng, trong khi đó thì các cấp chỉ huy lại khuyến khích họ giết chóc không ghê tay để lập được kỷ lục khi "đếm xác". Trong môi trường như vậy những người lính Mỹ thực tế đã bị tha hóa và trở thành những cỗ máy giết người (*killling machine*) (24).

Tất cả những yếu tố trên là những nguyên nhân sâu xa, là cội nguồn của những tội ác chiến tranh mà quân đội Mỹ đã gây ra ở Việt Nam, trong đó có vụ Mỹ Lai vô cùng thảm khốc. Tròn 40 năm đã trôi qua, ngày nay chúng ta cùng lật lại hồ sơ của vụ Mỹ Lai không phải để tố cáo, khơi sâu thêm những hận thù của quá khứ. Hai dân tộc, hai chính phủ Việt Nam và Mỹ đã quyết định "khép lại quá khứ, cùng hướng tới tương lai", tuy nhiên điều đó không có nghĩa là chúng ta có quyền quên quá khứ, quên lịch sử. Ngược lại, muốn hướng tới một tương lai chung thực sự tốt đẹp thì cần phải biết rút ra từ quá khứ đau thương đó những bài học thiết thực. Chỉ có khám phá đầy đủ, một cách khoa học, về cội nguồn của cái ác đã hiện hữu ở Mỹ Lai từ 40 năm trước chúng ta mới có thể ngăn chặn được những tội ác tương tự có thể xảy ra trong tương lai, ở bất cứ nơi nào trên trái đất.

CHÚ THÍCH

- (1). Trong kế hoạch tác chiến của quân đội Mỹ lúc đó, thôn Mỹ Lai được gọi là thôn Mỹ Lai 4.
- (2). Linder, Doug, "An Introduction to the My Lai Court-Martial", in: My Lai Court-Martial Homepage, http://www.law.umkc.edu/faculty/projects/ftrials/mylai/MyL_intro.html
- (3). Buerger, Peter, *Napalm am Morgen, Vietnam und der kritische Kriegsfilm aus Hollywood*, Duesseldorf, 2003, tr. 139. Xem thêm: Doug, Linder, tài liệu đã dẫn, tr. 2-3.
- (4). Xem: Lose, Fabian, "Das Massaker von My Lai", in: *Zeitschrift der Historiker und Politologen*, Universitaet Muenchen, 8/1999. <http://www.sqr.de/hp/HTML/HP8?MyLai.html>.
- (5). McCarthy, Marry, *Medina, Die My Lai Prozes*, Zuerich, 1973, tr. 26.
- (6). Linder, Doug, Tài liệu đã dẫn, tr. 4.
- (7). Lúc đó Ronald Ridenhour đang tác nghiệp ở Đức Phổ và được nghe 5 lính Mỹ đã tham gia vào vụ thảm sát kể lại vụ việc.
- (8). Buerger, Peter, *Napalm am Morgen...*, đã dẫn, tr. 140. Linder, Doug, tài liệu đã dẫn, tr. 6.
- (9). Xem: Langenau, <http://www.spiegel.de/politik/ausland/0,1518,419305,00.html>.
- (10). Linder, Doug, http://www.law.umkc.edu/faculty/projects/ftrials/mylai/MyL_intro.html
- (11). Linder, Doug, http://www.law.umkc.edu/faculty/projects/ftrials/mylai/MyL_intro.html
Xem thêm: McCarthy, tài liệu đã dẫn, tr. 7.
- (12). Như trên.
- (13). Lose, Fabian, "Das Massaker von My Lai", in: *Zeitschrift der Historiker und Politologen*, Universitaet Muenchen, 8/1999. <http://www.sqr.de/hp/HTML/HP8?MyLai.html>. Xem thêm: Linder, Doug, http://www.law.umkc.edu/faculty/projects/ftrials/mylai/MyL_intro.html.
- (14). Theo Bernd Greiner thì cũng trong thời gian đó một đơn vị quân đội Mỹ khác, Đại đội Bravo cũng thuộc sư đoàn do tướng Samuel Koster chỉ huy, đã gây ra một vụ thảm sát đẫm máu tại thôn Mỹ Khê 4 (cách Mỹ Lai không xa) và giết chết khoảng 90 thường dân. Xem: Greiner, Bern, "Spurensuche - Akten ueber amerikanische Kriegsverbrechen in Vietnam", in: Wolfgang Wette / Gerd R. Ueberschaer (Hrsg.), *Kriegsverbrechen im 20. Jahrhundert*, Primus Verlag, Darmstadt, tr. 472.
- (15). Xem: Gartner, Scott and Marissa Myers, "Body Counts and 'Success' in Vietnam and Korean Wars", in: *Journal of Interdisciplinary History*, 25. 3 (1995), pp. 379.
- (16). Như trên, tr. 379, 389.
- (17). Xem: Greiner, Bern, "Spurensuche - Akten ueber amerikanische Kriegsverbrechen in Vietnam", in: Wolfgang Wette / Gerd R. Ueberschaer (Hrsg.), *Kriegsverbrechen im 20. Jahrhundert*, Primus Verlag, Darmstadt, tr. 461-463.
- (18). Greiner, Bernd, tài liệu đã dẫn, tr. 463.
- (19), (20), (21), (22), (23). Dẫn lại theo Bernd Greiner, tài liệu trên, tr. 465, 471, 471, 466, 464.
- (24). Xem: Buerger, Peter, *Napalm am Morgen...*, đã dẫn, tr. 30-32. Xem thêm: Linder, Doug, tài liệu đã dẫn, tr. 1.